



## MARKET LENS

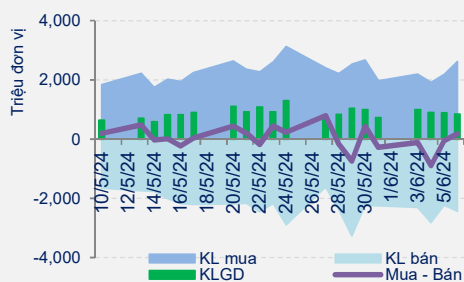
Phiên giao dịch ngày:

6/6/2024

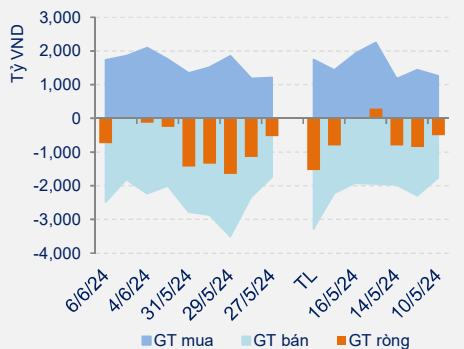
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,283.56	244.18
% Thay đổi	↓ -0.06%	↓ -0.13%
KLGD (CP)	847,095,348	67,771,388
GTGD (tỷ đồng)	22,209.90	1,433.06
Tổng cung (CP)	2,442,629,645	136,397,100
Tổng cầu (CP)	2,614,462,452	107,096,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	62,531,536	1,663,295
KL mua (CP)	47,609,229	1,244,500
GT mua (tỷ đồng)	1,737.18	49.06
GT bán (tỷ đồng)	2,478.89	50.02
GT ròng (tỷ đồng)	(741.71)	(0.96)

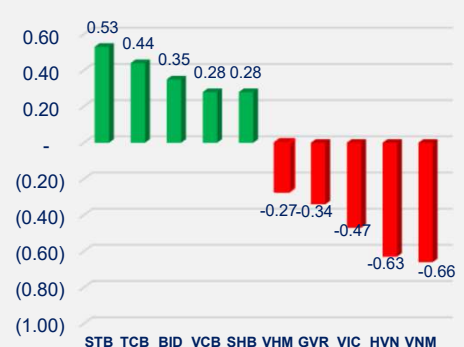
## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



## Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Ngày hôm nay, Thủ tướng yêu cầu Bộ Tài chính phối hợp chặt chẽ với Bộ Giao thông vận tải khẩn trương nghiên cứu, đề xuất việc phát hành thêm 100.000 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ cho đầu tư các công trình trọng điểm quốc gia. Thủ tướng cũng đồng thời yêu cầu Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương điều hành chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm. Chính phủ yêu cầu triển khai hiệu quả các động lực tăng trưởng truyền thống (tiêu dùng, đầu tư, xuất khẩu), thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới, như phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, các ngành, lĩnh vực mới nổi...

Diễn biến thị trường trong phiên hôm nay tương tự như 2 phiên trước đó khi VN-Index mở cửa tăng lên vùng 1.290 điểm sau đó rung lắc trong phiên sáng với thanh khoản giảm trước khi áp lực bán gia tăng trong nửa cuối phiên chiều khiến cho các chỉ số quay đầu giảm. VN-Index đóng cửa giảm -0,79 điểm (-0,06%) tại 1.283,56 điểm, HNX đóng cửa tại 244,18 điểm (-0,31 điểm, tương ứng -0,13%). Độ rộng thị trường tại sàn HOSE vẫn duy trì như phiên trước đó khi có 154 mã tăng giá, 57 mã tham chiếu và 165 mã giảm giá. HNX giao dịch với 76 mã tăng giá, 60 mã tham chiếu và 95 mã giảm giá.

Thanh khoản trên cả 2 sàn sụt giảm so với phiên giao dịch hôm qua, đặc biệt tại HNX (-24%). Khối ngoại sau phiên mua ròng nhẹ hôm qua đã quay lại đà bán ròng mạnh với -741,11 tỷ đồng tại HOSE tập trung vào các mã FPT (-223 tỷ), TCB (-115 tỷ), MWG (-91,82 tỷ) và VNM (-72,68 tỷ), mua ròng tại MSN (+64,4 tỷ), SHB (+22,12 tỷ). Trên sàn HNX, khối này bán ròng nhẹ với -0,92 tỷ đồng, tập trung tại các mã CEO (-3,57 tỷ), LAS (-3,27 tỷ) và DTD (-3,16 tỷ), mua ròng PVS (+14,66 tỷ).

Sau phiên giao dịch kém tích cực hôm qua, Ngân Hàng là ngành hỗ trợ chính cho chỉ số với mức tăng +2,81 điểm với động lực đến từ các mã như STB (+3,7%), TCB (+1,1%), SHB (+2,6%), TPB (+1,4%), LPB (+1,4%). Trong khi đó nhóm cổ phiếu Thực Phẩm & Đồ Uống có sự điều chỉnh sau phiên tăng mạnh trước đó với SAB (-0,2%). VNM (-1,9%), SBT (-1,2%), DBC (-1%), BNA (-3,1%)...

Trong khi những cổ phiếu Bất Động Sản Khu Công Nghiệp khác kém khởi sắc như VGC (-1,4%), SZC (-1,3%), IDC (-0,8%)... thì BCM (+1,6%) duy trì tích cực sau khi công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, dự kiến diễn ra vào ngày 27/6 tới đây, trong đó BCM dự định bổ sung thêm ngành nghề mới là sản xuất điện tử năng lượng mặt trời và năng lượng tái tạo và xem xét việc giới hạn tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tối đa (room ngoại) ở mức 34%.

Ghi nhận trong phiên hôm nay, một số ngành khác cũng chứng kiến nhiều mã giảm điểm như ngành Bất Động Sản với NLG (-3,1%), LGL (-2,7%), NTL (-1,7%), HDC (-1,6%), KDH (-1,5%)... nhóm ngành Hóa Chất cũng có sự điều chỉnh với DGC (-1,7%), CSV (-0,9%)...

Nhóm ngành vốn được nhiều sự quan tâm là Chứng Khoán phiên hôm nay cũng có sự điều chỉnh nhẹ với HCM (-1,5%), BSI (-1,4%), MBS & VCI cùng (-0,9%), VND (-0,8%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2406 tăng 3,7 điểm (+0,3%), đóng cửa tại 1.298,7 điểm. Chênh lệch so với VN30 là -3,58 điểm, giảm so với phiên hôm qua (-4,66 điểm) cho thấy tâm lý nhà đầu tư đã có sự tích cực hơn. Hợp đồng vị thế Long VN30F2406 là 15.692 hợp đồng, vị thế Short VN30F2406 là 15.308 hợp đồng. Tổng số lượng hợp đồng giao dịch +21,2% so với phiên trước, cải thiện hơn mức trung bình 20 ngày. Xu hướng ngắn hạn của VN30F2406 vẫn đang dao động trong vùng 1.280 điểm đến 1.320 điểm. Các kỳ hạn xa hơn là VN30F2407 VN30F2409 VN30F2412 chênh lệch từ -3,88 điểm đến -7,28 điểm so với VN30. Khối lượng mở OI hôm nay là 55.046 ít hơn so với phiên gần nhất là 55.085 cho thấy xu hướng giảm bớt các vị thế nắm giữ.

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**


Với diễn biến tương tự 02 phiên trước, VN-INDEX trong phiên tiếp tục hướng đến vùng kháng cự 1.295 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất tháng 03/2024, cũng như giá cao nhất tháng 08/2022. Trong khi đó VN30 tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh ở vùng kháng cự đỉnh tháng 3/2024 với mức độ phân hóa mạnh. Kết phiên VN-INDEX giảm nhẹ 0,79 điểm (-0,06%) về mức 1.283,56 điểm và vẫn ở trong vùng giá 1.282 điểm - 1.287 điểm tương ứng vùng giá cao nhất phiên giảm điểm mạnh ngày 15/04/2024 cũng như đỉnh giá tháng 09/2022. VN30 cũng đang vùng giá cao nhất tháng 03/2024 quanh 1.307 điểm.

VN-INDEX trong ngắn hạn đã có 3 phiên liên tiếp biến động hẹp quanh vùng giá 1.285 điểm. Đây là vùng kháng cự mạnh mà chỉ số đã nhiều lần kiểm định trong tháng 5 nhưng chưa thể vượt qua. Mặc dù áp lực bán tại đây vẫn duy trì ở mức cao trong 2 phiên gần đây nhưng vẫn có kỳ vọng VN-INDEX có thể vượt qua để hướng tới vùng giá 1.300 điểm, VN30 có thể vượt lên đỉnh giá tháng 03/2024 quanh vùng 1.307 điểm. Đây là vùng kháng cự rất mạnh, để có thể vượt qua cần động lực hỗ trợ của các yếu tố cơ bản, tăng trưởng quý II, và phụ thuộc lớn vào nhóm cổ phiếu lớn, ngân hàng với kỳ vọng kết quả kinh doanh tích cực. Trong kịch bản không thể bứt phá lên trên vùng kháng cự, xu hướng ngắn hạn của chỉ số sẽ là tiếp tục dao động trong vùng 1.250 điểm – 1.300 điểm.

Xu hướng trung hạn của VN-INDEX duy trì tích lũy trong kênh rộng 1.180 điểm - 1.200 điểm đến 1.300 điểm, mở rộng lên 1.320 điểm. Trong đó 1.200 điểm là vùng giá cao nhất năm 2018, 1.300 -1.320 điểm là vùng giá cao nhất tháng 06, 08/2022. Điểm cân bằng của kênh tích lũy trung hạn là vùng 1.245 -1.255 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất năm 2023.

Nhà đầu tư ngắn hạn đang có tỷ trọng thấp có thể xem xét mua khi VN-Index rung lắc với kỳ vọng chỉ số vượt được kháng cự mạnh 1.300 điểm. Nhà đầu tư trung - dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục và vẫn có thể tiếp tục chiến lược giải ngân dần trong các nhịp giảm điểm, mục tiêu là các mã cổ phiếu đầu ngành, dự báo có có kết quả kinh doanh triển vọng tích cực trong cuối năm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 6/6/2024

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
DCM	38.35	33-34	40-42	32	16.6	0.3%	51.3%	Theo dõi giải ngân
BSR	23.80	19-20	26-28	18	9.2	-9.9%	-29.8%	Theo dõi giải ngân
MIG	22.10	18-18.6	25-26	17	13.2	-9.5%	12.2%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
16/4/2024	LHG	35.50	32	38-39	34	10.9%	Nắm giữ
16/4/2024	DPM	38.50	32.2	40-41	36.5	19.6%	Nắm giữ
16/4/2024	PVP	17.70	14.2	18-18.5	17	24.6%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	42.60	36.8	46-47	41	15.8%	Nắm giữ
24/4/2024	KBC	31.60	28.75	35-36	31	9.9%	Nắm giữ
24/4/2024	FPT	139.60	114.2	145-150	135	22.2%	Nắm giữ

## TIN VÍ MÔ

**Phó Thủ tướng đề nghị Hoa Kỳ sớm công nhận Quy chế Kinh tế thị trường của Việt Nam**

Phó Thủ tướng Lê Minh Khái chia sẻ, để đạt được những mục tiêu phát triển, Việt Nam cần huy động nguồn vốn đầu tư rất lớn, tập trung vào các khâu đột phá như cơ sở hạ tầng, chuyển đổi năng lượng bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu. Phó Thủ tướng bày tỏ mong muốn Hoa Kỳ tiếp tục dành sự hỗ trợ tài chính mạnh mẽ cho phát triển kinh tế Việt Nam thông qua các sáng kiến song phương và đa phương, trong đó có chương trình Đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng-JETP.

**Nga chính thức soán ngôi Nhật Bản để trở thành nền kinh tế lớn thứ 4 thế giới xét theo PPP**

Theo dữ liệu sửa đổi, WB cho biết GDP của Nga vốn đã vượt qua Nhật Bản vào năm 2021 và duy trì vị trí thứ 4 kể từ đó. Cụ thể, GDP của Nga tính theo sức mua tương đương vào năm 2021 là 5,7 nghìn tỷ USD, chiếm tỷ trọng 3,8% GDP toàn cầu. Trong khi đó, của Nhật Bản là 5,6 nghìn tỷ USD (3,7%) và Đức là 5,2 nghìn tỷ USD (3,4%). Trong hai năm tiếp theo, kinh tế Nga đã tăng lên 6 nghìn tỷ USD vào năm 2022 và 6,45 nghìn tỷ USD vào năm 2023. Đồng thời, GDP của Nhật Bản tăng lên 5,9 nghìn tỷ USD và 6,3 nghìn tỷ USD, còn GDP của Đức lần lượt tăng lên 5,5 nghìn tỷ USD và 5,9 nghìn tỷ USD.

**Thách thức lớn đối với ngành kim cương thế giới**

Xu hướng ưa chuộng kim cương nuôi cấy trong phòng thí nghiệm đóng một vai trò quan trọng trong việc kim cương tự nhiên bị mất giá. Kim cương được nuôi cấy trong phòng thí nghiệm, hay còn gọi là kim cương nhân tạo, có thể rẻ hơn tới 85% so với kim cương tự nhiên

**Thu ngân sách nhà nước từ thuế vượt 50% sau 5 tháng**

Trong số 767.415 tỷ đồng tổng số thu ngân sách nhà nước 5 tháng đầu năm, thu từ dầu thô ước đạt 24.678 tỷ đồng, bằng 53,6% so với dự toán, bằng 94,5% so với cùng kỳ năm 2023; thu nội địa ước đạt 742.737 tỷ đồng, bằng 51,6% so với dự toán, bằng 115,7% so với cùng kỳ năm 2023; thu thuế, phí nội địa ước đạt 580.208 tỷ đồng, bằng 53,5% so với dự toán, bằng 111,7% so với cùng kỳ năm 2023. So với dự toán, có 13/20 khoản thu, sắc thuế đạt khá (trên 50%), trong đó một số khoản thu lớn như: Khu vực doanh nghiệp nhà nước ước đạt 50,3%; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) ước đạt 52,9%; Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh ước đạt 57,1%; Thuế thu nhập cá nhân ước đạt 55%; Thu từ hoạt động xổ số ước đạt 59,3%; Thu khác ngân sách ước đạt 54,6%; Thu chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước ước đạt 175%; Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản ước đạt 61,5%;...

**TIN DOANH NGHIỆP**

**Cổ đông nhà nước vừa lên kế hoạch thoái vốn, Becamex IDC (BCM) muốn giảm mạnh room ngoại**

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (Becamex IDC, mã cổ phiếu BCM - sàn HoSE) vừa công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, dự kiến diễn ra vào ngày 27/6 tới đây.

Tại Đại hội, Hội đồng quản trị Becamex IDC dự kiến trình cổ đông xem xét kế hoạch bổ sung thêm ngành nghề mới là sản xuất điện từ năng lượng mặt trời và năng lượng tái tạo.

Đáng chú ý, Becamex IDC cũng dự kiến trình cổ đông xem xét việc giới hạn tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tối đa (room ngoại) ở mức 34%. Tính đến thời điểm hiện tại, tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài tại Becamex IDC là 1,3%.

**Nvidia vượt mốc vốn hóa 3.000 tỷ USD, qua mặt Apple để trở thành công ty giá trị thứ hai thế giới**

Trong phiên giao dịch ngày 5/6, vốn hóa Nvidia đã vượt qua Apple khi các nhà đầu tư tiếp tục đặt cược vào nhà sản xuất chip thiết yếu với cơn sốt trí tuệ nhân tạo (AI). Giờ đây, Nvidia là công ty đại chúng giá trị thứ hai trên thế giới, sau Microsoft.

Giá cổ phiếu Nvidia phi nước đại khi hoạt động kinh doanh AI của hãng phát triển, tăng hơn 3.290% trong 5 năm qua. Công ty đã công bố kế hoạch chia tách cổ phiếu với tỷ lệ 10:1.

Trong khi đó, cổ phiếu Apple chỉ đi lên khoảng 5% trong năm nay trong bối cảnh tốc độ tăng trưởng doanh thu chững lại. Trong báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý gần nhất, Apple cho biết doanh thu tổng thể của hãng sụt 4% và doanh thu iPhone giảm 10% so với một năm trước.

**Home Credit vừa hút thành công 1.000 tỷ đồng trái phiếu “ba không”**

Home Credit vừa hoàn tất phát hành lô trái phiếu HCVCL2427001, trị giá 1.000 tỷ đồng, kỳ hạn 3 năm. Đáng chú ý, đây là lô trái phiếu “ba không”: Không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo.

Cụ thể, lô trái phiếu HCVCL2427001 được phát hành tại thị trường trong nước, với khối lượng 1.000 trái phiếu, mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu, giá trị phát hành tương ứng là 1.000 tỷ đồng.

Lô trái phiếu này được phát hành và hoàn tất luôn trong ngày 31/5/2024. Như vậy, lô trái phiếu HCVCL2427001 sẽ đến kỳ đáo hạn vào ngày 31/5/2027.

**Gemadepht nói lại kế hoạch tăng vốn nghìn tỷ đồng**

Theo tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024, Công ty cổ phần Gemadepht (Mã: GMD) sẽ xin ý kiến cổ đông về phương án chào bán tối đa 103,5 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tương ứng với tỷ lệ thực hiện quyền 3:1.

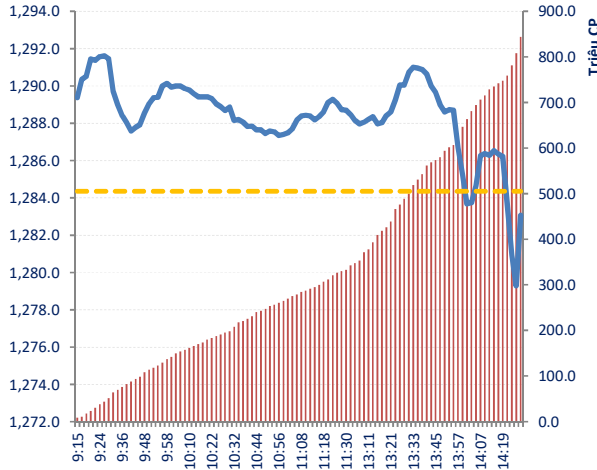
Công ty đang có vốn điều lệ gần 3.105 tỷ đồng, nếu chào bán hoàn tất, vốn điều lệ mới tăng lên tối đa 4.140 tỷ đồng.

Với giá chào bán dự kiến 29.000 đồng/cổ phiếu, công ty muốn thu về hơn 3.000 tỷ đồng. Phần lớn nguồn tiền huy động 2.213 tỷ đồng sẽ dùng để mua sắm tài sản cố định, chi 231 tỷ đồng trả nợ ngân hàng và còn lại dùng để góp vốn vào CTCP Cảng Nam Đình Vũ.

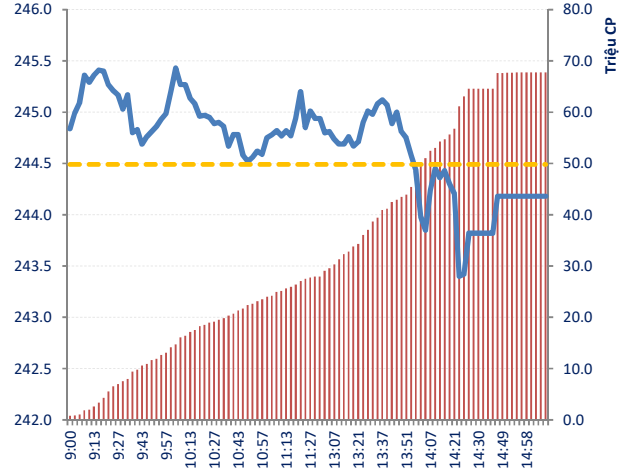


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH

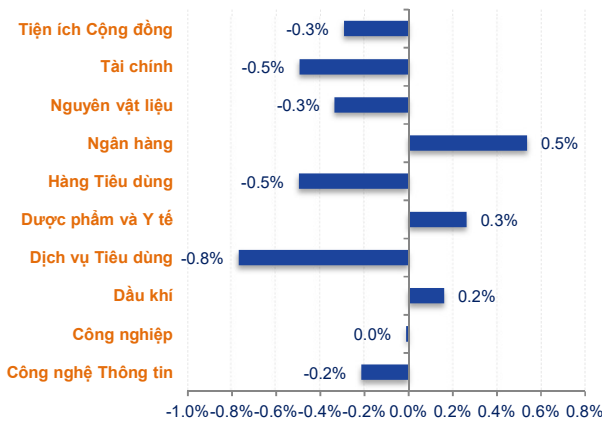
#### KLGD và VN-Index trong phiên



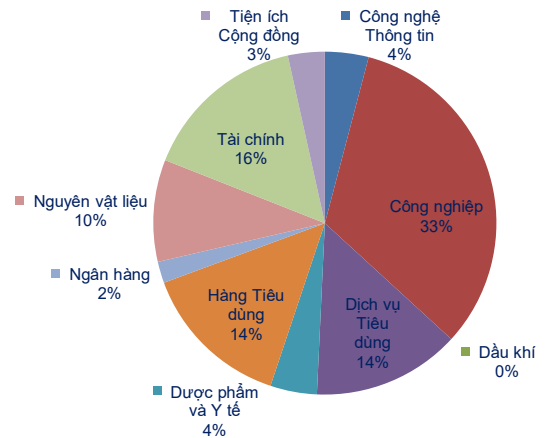
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



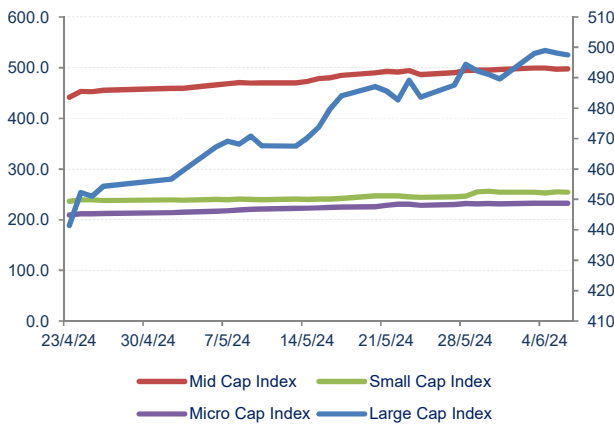
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



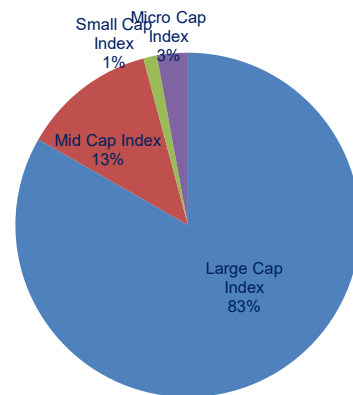
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

## HOSE

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	1,867,720	VPB	3,737,461
2	FUEVFVND	1,385,100	TCB	2,431,499
3	APH	1,108,900	HPG	1,869,400
4	NKG	970,916	VND	1,842,254
5	LPB	968,796	BCG	1,631,796

## HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	334,520	CEO	189,900
2	BVS	64,900	LAS	146,500
3	IDJ	58,500	DTD	92,600
4	TVC	34,900	VC7	92,500
5	AAV	32,600	TIG	85,600

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
SHB	11.55	11.85	↑	2.60%	69,364,500
LPB	25.75	26.10	↑	1.36%	40,111,370
STB	29.60	30.70	↑	3.72%	31,379,700
VPB	18.10	18.10	⇒	0.00%	30,551,300
HPG	29.25	29.30	↑	0.17%	27,536,775

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
SHS	18.50	18.60	↑	0.54%	8,862,364
CEO	18.90	18.70	↓	-1.06%	4,330,497
HUT	18.80	18.60	↓	-1.06%	4,140,724
PVS	43.50	43.60	↑	0.23%	3,043,654
IDJ	8.10	7.80	↓	-3.70%	2,840,317

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TNC	45.35	48.50	3.15	↑ 6.95%
TVS	23.20	24.80	1.60	↑ 6.90%
HNG	4.51	4.82	0.31	↑ 6.87%
APH	10.20	10.90	0.70	↑ 6.86%
PMG	7.75	8.28	0.53	↑ 6.84%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KMT	8.00	8.80	0.80	↑ 10.00%
CTP	6.00	6.60	0.60	↑ 10.00%
CAN	39.40	43.30	3.90	↑ 9.90%
SSM	6.10	6.70	0.60	↑ 9.84%
EBS	11.30	12.40	1.10	↑ 9.73%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SC5	21.00	19.55	-1.45	↓ -6.90%
LEC	6.05	5.70	-0.35	↓ -5.79%
VAF	13.40	12.75	-0.65	↓ -4.85%
SKG	15.60	14.90	-0.70	↓ -4.49%
HVN	29.10	27.90	-1.20	↓ -4.12%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HMR	44.90	40.50	-4.40	↓ -9.80%
GLT	25.80	23.30	-2.50	↓ -9.69%
BXH	17.50	15.90	-1.60	↓ -9.14%
TMC	8.90	8.10	-0.80	↓ -8.99%
BDB	11.80	10.80	-1.00	↓ -8.47%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	69,364,500	15.6%	2,150	5.4	0.8
LPB	40,111,370	21.6%	2,914	8.8	1.8
STB	31,379,700	17.7%	4,206	7.0	1.2
VPB	30,551,300	8.9%	1,525	11.9	1.0
HPG	27,536,775	9.2%	1,455	20.1	1.8

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	8,862,364	5.7%	688	26.9	1.4
CEO	4,330,497	2.8%	365	51.8	1.5
HUT	4,140,724	0.7%	97	193.3	1.5
PVS	3,043,654	7.1%	1,992	21.8	1.5
IDJ	2,840,317	5.0%	584	13.9	0.7

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TNC	↑ 6.9%	9.8%	1,684	26.9	2.6
TVS	↑ 6.9%	15.2%	1,917	12.1	1.8
HNG	↑ 6.9%	-37.6%	(888)	-	2.0
APH	↑ 6.9%	1.4%	346	29.5	0.4
PMG	↑ 6.8%	0.0%	(1)	-	0.6

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KMT	↑ 10.0%	7.9%	1,090	7.3	0.6
CTP	↑ 10.0%	0.0%	1	4,521.2	0.5
CAN	↑ 9.9%	4.6%	1,342	29.4	1.3
SSM	↑ 9.8%	7.0%	831	7.3	0.5
EBS	↑ 9.7%	8.9%	1,318	8.6	0.7

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	1,867,720	15.6%	2,150	5.4	0.8
FUEVFNVD	1,385,100	N/A	N/A	N/A	N/A
APH	1,108,900	1.4%	346	29.5	0.4
NKG	970,916	5.9%	1,222	20.9	1.2
LPB	968,796	21.6%	2,914	8.8	1.8

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	334,520	7.1%	1,992	21.8	1.5
BVS	64,900	9.6%	3,090	15.0	1.4
IDJ	58,500	5.0%	584	13.9	0.7
TVC	34,900	17.1%	2,612	4.0	0.6
AAV	32,600	-2.1%	(241)	-	0.6

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	496,311	20.0%	5,838	15.2	2.9
BID	271,626	18.1%	3,841	12.4	2.1
HPG	187,090	9.2%	1,455	20.1	1.8
GAS	185,117	16.4%	4,688	17.2	2.7
FPT	177,923	22.8%	5,338	26.2	5.6

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	20,792	7.1%	1,992	21.8	1.5
IDC	20,592	31.7%	5,880	10.6	3.2
HUT	16,779	0.7%	97	193.3	1.5
SHS	15,043	5.7%	688	26.9	1.4
MBS	14,792	13.0%	1,475	22.9	2.8

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
ST8	2.99	1.4%	144	68.9	0.9
AGM	2.59	-163.0%	(11,336)	-	12.7
NHA	2.41	4.0%	406	76.8	3.0
FIR	2.30	1.9%	223	35.9	0.7
KSB	2.29	3.6%	1,008	23.1	1.0

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

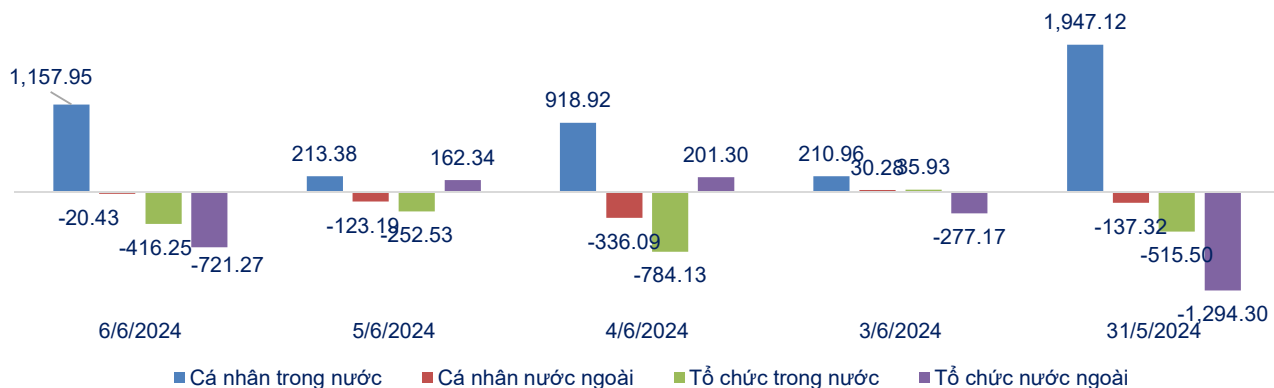
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HMR	4.42	9.2%	1,214	37.0	3.5
API	3.34	-6.9%	(772)	-	0.8
IDJ	3.21	5.0%	584	13.9	0.7
TKG	3.10	2.9%	294	15.3	0.4
MCO	2.92	0.8%	97	222.8	1.7





## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NGĐT

Giá trị ròng theo loại hình NGĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	315.64	22.8%	5,338	26.2	5.6
VPB	196.07	8.9%	1,525	11.9	1.0
TCB	147.61	15.2%	5,606	8.5	1.2
DGC	116.08	24.6%	7,884	15.6	3.7
MWG	95.38	4.4%	717	86.5	3.5

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	-88.53	0.8%	214	364.5	2.5
NKG	-47.44	5.9%	1,222	20.9	1.2
DPM	-46.99	4.5%	1,372	28.3	1.3
LPB	-28.96	21.6%	2,914	8.8	1.8
POW	-25.92	2.4%	350	39.3	1.0

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	10.91	22.8%	5,338	26.2	5.6
SHB	7.84	15.6%	2,150	5.4	0.8
SKG	2.01	8.1%	1,101	14.2	1.1
KDH	1.84	3.9%	731	50.7	1.9
AGG	1.80	12.5%	2,965	8.9	1.1

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-11.97	9.2%	1,455	20.1	1.8
STB	-9.74	17.7%	4,206	7.0	1.2
MSN	-3.84	0.8%	214	364.5	2.5
FRT	-2.90	-17.1%	(2,215)	-	12.9
MBB	-2.85	21.5%	3,862	5.7	1.1

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	75.13	26.0%	4,410	15.5	4.0
DPM	57.74	4.5%	1,372	28.3	1.3
HPG	55.01	9.2%	1,455	20.1	1.8
GVR	25.44	4.6%	628	56.0	2.5
POW	23.93	2.4%	350	39.3	1.0

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-128.42	8.9%	1,525	11.9	1.0
FPT	-91.54	22.8%	5,338	26.2	5.6
DGC	-69.28	24.6%	7,884	15.6	3.7
FUEVFNVD	-50.33	N/A	N/A	N/A	N/A
TCB	-32.09	15.2%	5,606	8.5	1.2

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	68.65	0.8%	214	364.5	2.5
FUEVFNVD	44.40	N/A	N/A	N/A	N/A
PNJ	43.19	20.2%	5,949	15.9	3.0
LPB	25.62	21.6%	2,914	8.8	1.8
NKG	24.97	5.9%	1,222	20.9	1.2

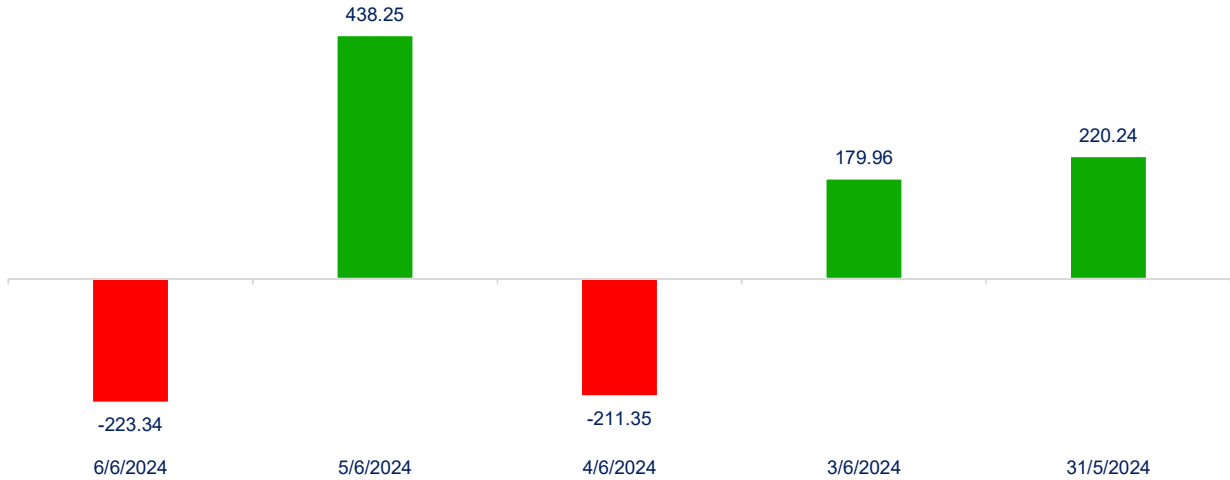
## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-235.01	22.8%	5,338	26.2	5.6
TCB	-115.49	15.2%	5,606	8.5	1.2
MWG	-89.00	4.4%	717	86.5	3.5
VNM	-71.79	26.0%	4,410	15.5	4.0
VPB	-68.13	8.9%	1,525	11.9	1.0

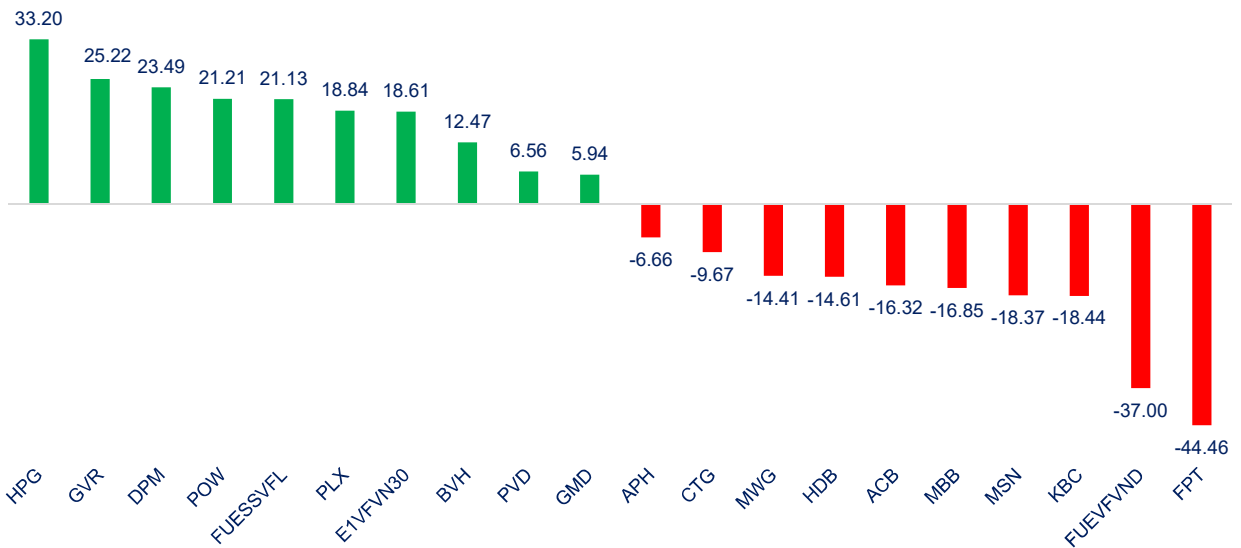


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy**  
[duy.vt@shs.com.vn](mailto:duy.vt@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---